TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PB
TỈNH TN

Số:25/2022/QĐST -HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TN, ngày 21 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1998

Địa chỉ: xóm Đ, xã T, huyện PB, TN

Chỗ ở hiện nay: xóm ĐH, xã N, huyện PB, TN.

Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm 1995

Địa chỉ: xóm Đông Hồ, xã Thượng Đình, huyện PB, TN

Căn cứ vào Điều 143, 144, 146, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015.

Căn cứ điều 51,55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 2 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đặng Thị T và anh Trương Văn L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Đặng Thị T và anh Trương Văn L nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

2.2. Về con chung: Chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trương Minh K sinh ngày 16/5/2020 đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Thuyết có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Thuyết tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm ngàn đồng) tiền án phí LHST và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí DSST vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002657 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PB, tỉnh TN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAT TN;
- VKS ND H. PB;
- Chi cục THADS H.PB;
- UBND xã Thượng Đình;
- Các Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Minh Huệ